TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22/02/2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình " Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Bà Nguyễn Thúy Phượng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp hôn nhân và gia đình *"Xin ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1972

Bị đơn: Anh Dương Văn N, sinh năm 1969

Cùng nơi cư trú: tổ 13, ấp PT, xã PT, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Về hôn nhân: Chúng tôi do mai mối và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không quan tâm đến gia đình và có người phụ nữ khác bên ngoài đến cuối năm 2014 thì anh N đã bỏ đi theo người phụ nữ khác, vợ chồng ly thân cho đến nay, yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Quốc T sinh ngày 16/7/1995 và Dương Thị Như Y sinh ngày 04/10/2005. Cháu T đã trưởng thành và có gia đình riêng, cháu Như Y đang sống chung với chị. Nay ly hôn chị Hương yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Như Y, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Dương Văn N thống nhất về thời gian kết hôn, con chung, vợ chồng không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không có việc làm ổn định nên bất đồng về kinh tế, hoàn cảnh khó khăn nên anh phải đi làm ăn xa và dẫn đến hôn nhân rạn nứt, không thể hàn gắn, đồng ý ly hôn, giao con chung cho chị Hương nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên, anh Dương Văn N đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 13, ấp PT, xã PT, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Nên chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Dương Văn N do tự tìm hiểu quen nhau, được gia đình cha mẹ chấp thuận rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp xảy ra.

Quá trình chung sống không hạnh phúc do ảnh hưởng kinh tế, anh N có người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do anh chị không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận vì hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên HĐXX không công nhận giữa anh, chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung gồm: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung tên Dương Quốc T sinh ngày 16/7/1995 và Dương Thị Như Y sinh ngày 04/10/2005 cháu

Như Y đang sống với chị Hương, tiếp tục giao cháu Như Y cho chị Hương nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi thành niên và tự lập được.

Về tài sản chung và nợ phải thu: Quá trình làm việc chị Hương không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về nợ phải trả: Các đương sự trình bày không có, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim H là người xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 51, Điều 53 và Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 273, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim H và anh Dương Văn N là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Dương Thị Như Y, sinh ngày 04/10/2005 cho chị Nguyễn Thị Kim H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung đến thành niên hoặc tự lập được. Chị Hương không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ: Không yêu cầu.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005621 ngày 17/10/2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Dương Văn N không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Thành, huyện Phú Tân tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Bảo Ngọc